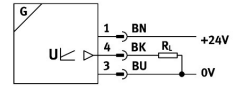


Bộ chuyển đổi vị trí SDAC-MHS-M20-1L-V-E-0.3-M8

Số bộ phận: 8128402

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Thiết kế	cho rãnh tròn
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS không chứa halogen
Lưu ý áp dụng	Tổng quan về cảm biến hỗ trợ / bộ truyền động "Cảm biến phù hợp với bộ truyền động"
Kích thước đo	Vị trí
Nguyên tắc đo lường	buồng từ
Phạm vi phát hiện	25 mm
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-40 °C...80 °C
Khoảng thời gian quét thông thường	2 ms
Tốc độ di chuyển tối đa	4 m/s
Độ phân giải đường	0.047 mm
Độ chính xác lặp lại	0.2 mm
Đầu ra tương tự	0 - 10 V
Độ nhạy	0.45 V/mm
Sai số tuyến tính loại	±2 mm
Trở kháng tải tối thiểu đầu ra điện áp	10 kOhm
Chống chịu ngắn mạch	có
Khả năng chống quá tải	có sẵn
Tín hiệu đầu ra	analog
Dải điện áp hoạt động DC	15 V...30 V
Dao động	10%
Dòng điện chạy không tải	12 mA
Chống phân cực	có
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Cáp có giắc cắm
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	3

Đặc tính	Giá trị
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít với hình lục giác SW9 và rãnh dọc
Hướng ra cổng nối	dọc theo
Vật liệu các tiếp điểm phích cắm	Đồng thau, mạ niken và mạ vàng
Dòng điều kiện kiểm tra	Độ bền mỗi khi uốn: theo tiêu chuẩn Festo Torsionsfestigkeit: > 300 000 Zyklen, ±270°/0,1 m Máng xích: > 5 triệu chu kỳ, bán kính uốn 28 mm
Chiều dài cáp	0.3 m
Đặc điểm dây dẫn	độ phù hợp của máng xích/phù hợp với rô-bốt
Màu vỏ cáp	xám
Vật liệu vỏ bọc cáp	TPE-U(PUR)
Kiểu gắn	vặn chặt có thể được đẩy dọc vào rãnh
Vị trí lắp đặt	bất kì
trọng lượng sản phẩm	9 g
Vật liệu vỏ	PA gia cố thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu đai ốc ren	Đồng thau mạ niken
Chỉ báo trạng thái	Đèn LED đỏ, xanh lá cây
Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt	-20 °C...70 °C
Mức độ bảo vệ	IP65 IP68
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, dây dẫn, bộ kết nối và cuộn dây.
Loại phòng sạch	Loại 4 theo ISO 14644-1